

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 7 - NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 109/2026/HS-ST  
Ngày: 02-6-2026

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - NINH BÌNH

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Phạm Thị Mai Anh

**Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Phạm Văn Minh

Ông Vũ Anh Tuấn

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Anh Tuấn - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Ngọc Khánh - Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 90/2026/TLST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2026/QĐXXST - HS ngày 14-5-2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Đức T, sinh ngày 09-10-1994; căn cước công dân số 036094004694; nơi thường trú: Số nhà A đường K, phường N, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Số nhà A đường N, phường T, tỉnh Ninh Bình; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 09/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Trần Thiện P và bà Hà Thị Hồng A; vợ: Đỗ Thị H; có 01 con; tiền án - tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Phạm Sĩ P1, sinh ngày 03-10-1974; căn cước công dân số 036074001635; nơi thường trú và nơi cư trú: Thôn N, xã L, tỉnh Ninh Bình; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Phạm Văn C và bà Phạm Thị X; vợ: Bùi Thị T1; có 02 con; tiền án - tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Anh Phạm Sĩ P1, sinh ngày 03-10-1974; nơi thường trú và cư trú: Thôn N, xã L, tỉnh Ninh Bình (là bị cáo trong vụ án); có mặt tại phiên tòa

2. Anh Trần Đức T, sinh ngày 09-10-1994; căn cước công dân số 036094004694; nơi thường trú: Số nhà A đường K, phường N, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Số nhà A đường N, phường T, tỉnh Ninh Bình (là bị cáo trong vụ án); có mặt tại phiên tòa.

3. Anh Đỗ Văn H1, sinh năm 1994; nơi cư trú: Tổ dân phố Ô, phường T, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt tại phiên tòa.

4. Anh Đoàn Văn L, sinh năm 1971; nơi cư trú: Số nhà I đường S, phường N, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt tại phiên tòa

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 50 phút ngày 05/11/2025, Trần Đức T (có giấy phép lái xe theo quy định) điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Kia Seltos biển kiểm soát 18A-228.32 trên đường S, phường N, tỉnh Ninh Bình theo hướng từ đường G về cầu T với tốc độ khoảng 60km/h trong điều kiện trời tối, không mưa, mật độ người và phương tiện tham gia giao thông bình thường, có hệ thống đèn điện chiếu sáng. Khi gần đến khu vực trước cửa số nhà A, T quan sát thấy xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios biển kiểm soát 18A-308.72 do Phạm Sĩ P1 (có giấy phép lái xe theo quy định) điều khiển đi phía trước cùng chiều đang di chuyển vào lề đường bên phải, T tăng tốc xe lên khoảng 79km/h. Khi đến đoạn đường trước cửa số nhà A thì Phạm Sĩ P1 bật xi nhan trái xe ô tô của mình rồi chuyển hướng quay đầu xe sang làn đường bên trái. Do khoảng cách gần, không kịp xử lý nên phần đầu xe ô tô của T xô vào phần bên trái xe ô tô của P1, xe ô tô của T tiếp tục di chuyển sang trái xô vào xe ô tô nhãn hiệu Vinfast biển kiểm soát 17A-710.93 của anh Đỗ Văn H1 sinh năm 1994 đang đỗ trên lề đường, xe ô tô của Phạm Sĩ P1 bị đẩy về lề đường phải va chạm vào xe ô tô nhãn hiệu Toyota Corolla biển kiểm soát 18A-290.11 của ông Đoàn Văn L sinh năm 1971 đang đỗ trên vỉa hè. Hậu quả: Xe ô tô biển kiểm soát 18A-308.72, xe ô tô biển kiểm soát 18A-228.32, xe ô tô biển kiểm soát 17A-710.93, xe ô tô biển kiểm soát 18A-290.11 bị hư hỏng.

- Khám nghiệm hiện trường:

Hiện trường nơi xảy ra tại đoạn đường trước cửa số nhà A đường S, phường N, tỉnh Ninh Bình, đường trải nhựa phẳng rộng 15,40m, ở giữa có vạch sơn đứt đoạn màu vàng phân chia thành 2 chiều xe chạy, phần đường hướng từ đường Giải Phóng đến cầu T rộng 7,8m. Lẫy cột biển báo W.207a trên vỉa hè bên phải đường

S hướng từ đường G đến cầu T làm mốc cố định, mép bên phải đường S theo hướng từ đường G đến cầu T làm mép đường chuẩn.

(1) Xe ô tô biển kiểm soát 18A - 228.32 đỗ xiên chéo trên vỉa hè bên phải đường S, đầu xe hướng ra tim đường, đuôi xe hướng vào vỉa hè, tâm trục bánh trước bên trái cách mép đường chuẩn 0,6m, đầu trục bánh sau bên trái cách mép đường chuẩn 13,7m.

(2) Đám mảnh nhựa vỡ kích thước (2,9x1,8) m nằm trên mặt đường phía trước đầu xe (1), tâm cách mép đường chuẩn 1,5m, cách trục giữa bánh trước bên phải (bên phụ) xe ô tô (1) 1,5 m.

(3) Xe ô tô biển kiểm soát 17A-710.93 đỗ tại mép đường đối diện mép đường chuẩn, đầu xe hướng đi đường G, đuôi xe hướng đi cầu Thiên Trường, trục bánh trước bên trái cách mép đường chuẩn 14,4m, cách tâm (2) 18,7m, trục bánh sau bên trái cách mép đường chuẩn 14,0 m.

(4) Đám nhựa vỡ kích thước (3,5x2,6)m, tâm cách mép đường chuẩn 14,2m, cách trục sau bên trái xe ô tô (3) 0,8 m

(5) Xe ô tô biển kiểm soát 18A- 290.11 đỗ tại vỉa hè phía mép đường đối diện mép đường chuẩn, đầu xe hướng đường G, đuôi xe hướng cầu T, trục giữa bánh trước bên trái cách mép đường chuẩn 14,6m, cách tâm (4) 3,5m, trục bánh sau bên trái cách mép đường chuẩn 15,9 m.

(6) Đám nhựa vỡ kích thước (2,75x2,7)m nằm phía sau xe ô tô (5), tâm cách mép đường chuẩn 16,0m, cách trục giữa bánh sau bên trái xe ô tô (5) 0,8 m.

(7) Xe ô tô biển kiểm soát 18A-308.72 đỗ tại vỉa hè đối diện mép đường chuẩn, đầu xe hướng mép đường đối diện mép đường chuẩn, đuôi xe hướng mép đường chuẩn, trục giữa bánh trước bên trái cách mép đường chuẩn 20,4m, trục bánh sau bên trái cách mép đường chuẩn 17,9 m, cách tâm đám nhựa (6) 2,3 m.

(8) Đám kính vỡ kích thước (0,7x0,6) m trên phần đường hướng đi từ cầu T đến đường G, tâm cách mép đường chuẩn 10,2m, cách trục bánh trước bên trái xe ô tô (1) 9,4 m.

(9) Vết lốp xe kích thước (2,5x0,3)m, chiều hướng từ đường G đến cầu T, điểm đầu cách mép đường chuẩn 10m, cách tâm đám kính vỡ (8) 0,6m, điểm cuối cách mép đường chuẩn 10,5 m.

- Khám nghiệm phương tiện:

+ (1) Xe ô tô biển kiểm soát 18A-228.32:

Ba đèn sóc trước, biển kiểm soát trước, ca lăng trước, cụm đèn chiếu sáng, xi nhan hai bên trước bị gãy, vỡ rời khỏi xe, kích thước (235x80)cm chiều hướng từ trước về sau, tâm cách mặt đất 55 cm.

Khung kim loại phía sau ba đèn sóc trước bị cong vênh biến dạng đẩy từ trước về sau (gập hình chữ V, đáy chữ V) chiều hướng từ bên trái sang bên phải, cách thành xe bên phải 65cm, cách mặt đất 53 cm.

Góc khung kim loại phía sau ba đèn sóc trước bên phải bị cong vênh, biến dạng, trượt xước kích thước (16x13)cm, chiều hướng từ trước về sau, từ bên trái sang bên phải.

Góc khung kim loại phía sau ba đèn sóc trước bên trái bị cong vênh, biến dạng, trượt xước kích thước (15x13)cm, chiều hướng từ trước về sau, tâm cách mặt đất 51cm. Tại xe bên phải rải rác các vết trượt xước kích thước (110x60) cm.

Giàn nóng, két nước, cụm chi tiết phía sau két nước bị cong vênh, biến dạng, gãy vỡ, đẩy từ trước về sau, kích thước (110x60) cm.

Nắp ca pô bị cong vênh, biến dạng đẩy từ trước về sau, từ bên trái sang bên phải, mặt ngoài rải rác các vết trượt xước.

Tai xe hai bên bị cong vênh biến dạng, đẩy từ trước về sau.

Kính chắn gió trước bị rạn vỡ kích thước (103x85) cm, hướng từ trước về sau.

Nổ 02 túi khí phía trước.

Cánh cửa trước bên phải bị cong vênh đẩy từ phải sang trái, mặt ngoài rải rác các vết trượt xước.

Hệ thống lái, phanh, gương chiếu hậu hai bên, lốp xe đều còn tác dụng.

Quá trình khám nghiệm đã thu giữ trong xe ô tô 01 bộ camera hành trình ghi lại quá trình xảy ra sự việc.

+ (2) Xe ô tô biển kiểm soát 18A-308.72:

\* Dấu vết bên trái:

Mặt ngoài cánh cửa sau bên trái rải rác các vết trượt xước, cong vênh kích thước (43x30)cm, chiều hướng từ trước về sau, tâm cách mặt đất 72 cm.

Khe kẽ cánh cửa trước giắt 01 mảnh nhựa màu đỏ kích thước (10,5x3,5) cm, tâm cách mặt đất 47cm, ngay sát mảnh nhựa này về phía sau mặt ngoài có vết trượt xước kích thước (10x11)cm, chiều hướng từ trước về sau, tâm cách mặt đất 45 cm.

Cánh cửa trước bên trái bị cong vênh biến dạng, đẩy từ trái sang phải, từ sau về trước, mặt ngoài rải rác các vết trượt xước kích thước (110x115)cm, tâm cách mặt đất 60 cm.

Khung kim loại phía dưới cánh cửa trước bên lái bị cong vênh biến dạng trượt xước kích thước (110x17)cm, hướng từ bên trái sang bên phải, tương ứng với vết này túi khí bị nổ.

Tai xe bị cong vênh, biến dạng, trượt xước đầy từ trái sang phải, tâm cách mặt đất 70cm.

Bánh trước bị cong vênh, biến dạng đầy từ trái sang phải tỳ sát vào giảm sóc trước, mặt ngoài vành xe rải rác các vết trượt xước.

Nắp ca pô phía trên tai xe bên trái bị cong vênh, trượt xước kích thước (43x4) cm, chiều hướng từ trái sang phải, tâm cách mặt đất 105cm, gương chiếu hậu bên trái bị gãy vỡ.

Cụm đèn chiếu sáng, xi nhan trước bên trái bị gãy vỡ bật khỏi vị trí ban đầu.

\* Dấu vết bên phải:

Ba đờ sóc trước, biển kiểm soát, ca lăng, lô gô, nắp ca pô bị cong vênh, biến dạng, gãy vỡ, trượt xước.

Khung kim loại phía sau ba đờ sóc trước bị cong vênh biến dạng gập hình chữ V, tâm cách thành xe bên phải 50cm, cách mặt đất 45cm.

Giàn nóng, két nước, cụm chi tiết phía sau két nước bị cong vênh, biến dạng, gãy vỡ, đẩy từ trước về sau.

Cụm đèn chiếu sáng trước bị gãy vỡ kích thước (37x10) cm.

Túi khí ghế lái, túi khí hông cánh cửa sau bên lái bị nổ.

Hệ thống lái kẹt cứng, 4 lốp còn hơi, gương chiếu hậu bên phụ, đèn chiếu hậu xi nhan hai bên sau còn tác dụng, gạt nước còn tác dụng.

+ (3) Xe ô tô biển kiểm soát 18A-290.11:

Ba đờ sóc sau bị gãy vỡ rời khỏi xe.

Cụm đèn chiếu hậu bên lái bị gãy vỡ kích thước (30x13) cm, hướng từ ngoài vào trong, từ trước về sau, từ trái sang phải, tâm cách mặt đất 73 cm.

Khung kim loại phía dưới cụm đèn chiếu hậu bên trái bị cong vênh biến dạng, mặt ngoài trượt xước kích thước (16x12) cm, chiều hướng từ trước về sau, từ bên lái sang bên phụ, tâm cách mặt đất 64cm.

+ (4) Xe ô tô biển kiểm soát 17A-710.93:

Tai xe, cánh cửa trước bên lái bị cong vênh, biến dạng, trượt xước, kích thước (123x75) cm chiều hướng từ trước về sau, từ bên lái sang bên phụ, tâm cách mặt đất 65 cm.

Ốp nhựa bên ngoài tai xe phía trên lốp bánh trước bị gãy vỡ trượt xước, bật khỏi vị trí ban đầu, kích thước (48x5) cm, hướng từ trước về sau, từ bên lái sang bên phụ, tâm cách mặt đất 75 cm.

Mặt ngoài vành xe bánh trước bên lái rải rác có các vết trượt xước, kích thước (46x46)cm, bề mặt bám dính chất màu cam.

Kính gương chiếu hậu bên lái bị bật khỏi vị trí ban đầu.

Tại thời điểm xảy ra vụ tai nạn trong mẫu máu của Trần Đức T và Phạm Sĩ P1 không có nồng độ cồn và chất ma túy.

Bản kết luận giám định số 3432/KL-KTHS ngày 22-12-2025 của Phòng K Công an tỉnh N kết luận:

- Xe ô tô biển kiểm soát 18A-228.32 va chạm với xe ô tô biển kiểm soát 18A-308.72. Vị trí va chạm đầu tiên giữa hai phương tiện là ba đờ sóc trước bên phụ (bên phải) xe ô tô biển kiểm soát 18A-228.32 với cánh cửa trước bên lái (bên trái) xe ô tô biển kiểm soát 18A-308.72.

- Xe ô tô biển kiểm soát 18A-228.32 va chạm với xe ô tô biển kiểm soát 17A-710.93. Vị trí va chạm đầu tiên giữa hai phương tiện là ba đờ sóc trước, tại xe bên lái (bên trái) xe ô tô biển kiểm soát 18A-228.32 với vành xe bánh trước, tại xe, cánh cửa trước bên lái (bên trái) xe ô tô biển kiểm soát 17A-710.93.

- Xe ô tô biển kiểm soát 18A-308.72 va chạm với xe ô tô biển kiểm soát 18A-290.11. Vị trí va chạm đầu tiên giữa hai phương tiện là thành xe phía trước cánh cửa sau, cánh cửa sau bên lái (bên trái) xe ô tô biển kiểm soát 18A-308.72 với ba đờ sóc, cụm đèn chiếu hậu phía sau bên lái (bên trái) xe ô tô biển kiểm soát 18A-290.11.

- Vị trí va chạm đầu tiên trên mặt đường tại hiện trường giữa xe ô tô biển kiểm soát 18A-228.32 với xe ô tô biển kiểm soát 18A-308.72 tại phía trước điểm đầu vết lốp (9) thuộc phần đường bên trái theo chiều từ đường G đi cầu Thiên Trường. Xe ô tô biển kiểm soát 18A-228.32 va chạm với xe ô tô biển kiểm soát 17A-710.93 tại vị trí (3) thuộc phần đường bên trái theo chiều từ đường G đi cầu Thiên Trường. Xe ô tô biển kiểm soát 18A-308.72 va chạm với xe ô tô biển kiểm soát 18A-290.11 tại vị trí (5) trên vỉa hè bên trái theo chiều từ đường G đi cầu Thiên Trường.

Bản kết luận giám định số 1008/KL-KTHS ngày 12/03/2026 của Phòng K Công an tỉnh N, kết luận:

- Không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong tệp tin video gửi giám định.

- Tốc độ của xe ô tô biển kiểm soát 18A-228.32 màu vàng cam tại thời điểm 22 giờ 50 phút 27 giây là 79 km/h. Không đủ cơ sở xác định tốc độ của xe ô tô biển kiểm soát 18A-308.72 màu bạc ngay trước thời điểm xảy ra tai nạn giao thông

Bản kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS ngày 12-01-2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của Sở Xây dựng tỉnh N kết luận giá trị phần thiệt hại hư hỏng tại thời điểm ngày 05-11-2025:

- Xe ô tô biển kiểm soát 18A-308.72, sản xuất năm 2018, nhãn hiệu TOYOTA, loại VIOS E, màu sơn bạc, chỗ ngồi 05 chỗ, số máy 2NRX355862, số khung RL4B23F3XJ5045782 là 117.654.000 đồng.

- Xe ô tô biển kiểm soát 18A-228.32, sản xuất năm 2020, nhãn hiệu KIA, loại SELTOS, màu sơn cam đen, chỗ ngồi 05 chỗ, số máy G4LDL1063557, số khung RNYEF51D7LC204160 là 165.350.000 đồng.

- Xe ô tô biển kiểm soát 17A-710.93, sản xuất năm 2025, nhãn hiệu VINFAST, loại VF5 PLUS, màu sơn trắng, chỗ ngồi 05 chỗ, số máy VFCAFB253210014, số khung RLNV5JSE3SH736406 là 12.564.000 đồng

- Xe ô tô biển kiểm soát 18A-290.11, sản xuất năm 1999, nhãn hiệu TOYOTA, loại COROLLA, màu sơn xanh, chỗ ngồi 05 chỗ, số máy 4AH520709, số khung AE1119559245 là 3.906.000 đồng (Bút lục 187-191).

Về trách nhiệm dân sự: Trần Đức T và Phạm Sĩ P1 đã tự nguyện khắc phục hậu quả đối với thiệt hại của các xe ô tô.

Cơ quan điều tra đã trả lại xe ô tô biển kiểm soát 17A-710.93 cho anh Đỗ Văn H1, trả lại xe ô tô biển kiểm soát 18A-290.11 cho anh Đoàn Văn L. Anh L, anh H1 đã nhận lại tài sản và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho T, P1.

Cơ quan điều tra xác định bà Hà Thị Hồng A sinh năm 1973 (mẹ đẻ T) là chủ sở hữu chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia Seltos biển kiểm soát 18A-228.32, bà A không yêu cầu T, P1 phải bồi thường thiệt hại. Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho bà Hồng A và trả xe ô tô biển kiểm soát 18A-308.72 cho Phạm Sĩ P1.

Tại cơ quan điều tra, Trần Đức T, Phạm Sĩ P1 khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số 155/CT-VKS-KV7 ngày 28-4-2026 Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình truy tố Trần Đức T và Phạm Sĩ P1 tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định điểm d khoản 1, khoản 5 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Đức T và Phạm Sĩ P1 đã thành khẩn khai nhận, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Ninh Bình giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Đức T và Phạm Sĩ P1 về tội danh và điều luật như Bản cáo trạng.

- Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trần Đức T và Phạm Sĩ P1 phạm tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”

- Về hình phạt chính: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025:

Xử phạt bị cáo Trần Đức T từ 18 tháng đến 21 tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Phạm Sĩ P1 từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Trần Đức T và bị cáo Phạm Sĩ P1 cho Ủy ban nhân dân phường nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về khấu trừ thu nhập: Xét các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc các bị cáo chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tuyên quyền kháng cáo của các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Ninh Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh:

Trần Đức T có giấy phép lái xe hạng C, có giá trị đến 03-01-2028. Phạm Sĩ P1 có giấy phép lái xe hạng C, có giá trị đến ngày 06-12-2028. Khoảng 22 giờ 50 phút ngày 05 tháng 11 năm 2025, tại đoạn đường trước cửa số nhà A đường S, phường N, tỉnh Ninh Bình, Trần Đức T điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Kia Seltos biển kiểm soát 18A-228.32 theo hướng từ đường G đến cầu T với tốc độ 79km/h

đã xô vào phần bên trái xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios biển kiểm soát 18A-308.72 do Phạm Sĩ P1 điều khiển đi phía trước cùng chiều chuyển hướng xe quay đầu từ bên phải sang bên trái khi chưa đảm bảo an toàn, xe ô tô do Trần Đức T điều khiển tiếp xô vào xe ô tô biển kiểm soát 17A- 710.93, xe ô tô do Phạm Sỹ P2 điều khiển tiếp tục xô vào xe ô tô biển kiểm soát 18A-290.11. Hậu quả Trần Đức T đã gây thiệt hại cho các xe ô tô biển kiểm soát 18A-308.72, 17A-710.93, 18A-290.11 là 134.124.000 đồng; Phạm Sỹ P2 gây thiệt hại cho các xe ô tô biển kiểm soát 18A-228.32, 17A- 701.93, 18A-290.11 là 181.820.000 đồng.

Hành vi của Trần Đức T đã vi phạm điểm c khoản 2 Điều 11; khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 12 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024; khoản 1 Điều 6 Thông tư 38/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ G.

Hành vi của Phạm Sỹ P2 đã vi phạm khoản 2 Điều 15 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024.

Hành vi của các bị cáo còn được chứng minh bằng lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông, kết luận giám định, bản kết luận định giá tài sản.

Các bị cáo Trần Đức T và Phạm Sĩ P1 là người có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Các bị cáo có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển phương tiện tham gia giao thông không có nồng độ cồn và chất kích.

Bị cáo T điều khiển xe ô tô vượt quá tốc độ cho phép, không chú ý quan sát, không chấp hành biển báo, không giảm tốc độ để đảm bảo an toàn trong trường hợp có biển báo hiệu cảnh báo nguy hiểm (W207a) gây ra vụ tai nạn giao thông, hậu quả làm hư hỏng, thiệt hại về tài sản cho xe ô tô của Phạm Sĩ P1 117.654.000 đồng, xe ô tô của anh Đoàn Văn L là 3.906.000 đồng, xe ô tô của anh Đỗ Văn H1 là 12.564.000 đồng. Tổng thiệt hại về tài sản do Trần Đức T gây ra cho các phương tiện khác là 134.124.000 đồng.

Bị cáo Phạm Sĩ P1 điều khiển xe ô tô chuyển hướng quay đầu không đảm bảo an toàn nên gây ra vụ tai nạn giao thông, hậu quả làm hư hỏng, thiệt hại về tài sản cho xe ô tô của Trần Đức T là 165.350.000 đồng, xe ô tô của anh Đoàn Văn L là 3.906.000 đồng, xe ô tô của anh Đỗ Văn H1 là 12.564.000 đồng. Tổng thiệt hại về tài sản do Phạm Sĩ P1 gây ra cho các phương tiện khác là 181.820.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Trần Đức T và Phạm Sĩ P1 đã đủ dấu hiệu cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

### *3.1. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:*

Các bị cáo Trần Đức T và Phạm Sĩ P1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

### *3.2. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Trần Đức T và Phạm Sĩ P1 có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội các bị cáo bồi thường dân sự cho các bị hại; các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Ngoài ra, mẹ bị cáo Phạm Sĩ P1 là người có công với đất nước, là bệnh binh, được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng 3, huân chương chiến sĩ vẻ vang; ông ngoại bị cáo là liệt sĩ. Vì vậy bị cáo Trần Đức T và Phạm Sĩ P1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

### *[4]. Về hình phạt:*

#### *4.1. Về hình phạt chính:*

Hành vi của bị cáo Trần Đức T và Phạm Sĩ P1 là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm an toàn, sự hoạt động bình thường của các phương tiện giao thông đường bộ, gây thiệt hại về tài sản của người khác. Hiện nay vấn đề đảm bảo an toàn giao thông được xã hội đặc biệt quan tâm. Xét các bị cáo Trần Đức T và Phạm Sĩ P1 có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo. Vì vậy không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và không cần ấn định thời gian thử thách cũng đủ để các bị cáo cải tạo tốt.

Xét nguyên nhân dẫn đến vụ tai nạn giao thông gây thiệt hại cho tài sản của người khác do lỗi hỗn hợp của bị cáo Trần Đức T và bị cáo Phạm Sĩ P1 nhưng nguyên nhân trực tiếp do bị cáo T điều khiển xe ô tô vượt quá tốc độ cho phép, không chú ý quan sát, không chấp hành biển báo, không giảm tốc độ để đảm bảo an toàn trong trường hợp có biển báo hiệu cảnh báo nguy hiểm nên dẫn đến hậu quả xe của bị cáo T xô vào phần bên trái xe ô tô do bị cáo P1 điều khiển và xô vào xe ô tô do anh Đỗ Văn H1 đang đỗ bên lề đường; xe ô tô của P1 bị đẩy về lề đường và va chạm vào xe ô tô của anh Đoàn Văn L đang đỗ trên vỉa hè. Mặt khác, do bị cáo Phạm Sĩ P1 có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là mẹ bị cáo là người có công với đất nước, ông ngoại bị cáo là liệt sĩ nên Hội đồng xét xử ấn định mức hình phạt đối với bị cáo Trần Đức T cao hơn so với mức hình phạt đối với bị cáo Phạm Sĩ P1.

#### *4.2. Về hình phạt bổ sung:*

Xét bị cáo Trần Đức T và Phạm Sĩ P1 có hành vi vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại về tài sản cho người khác nhưng trị giá thiệt hại không lớn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5]. *Về khấu trừ thu nhập:*

Xét bị cáo Trần Đức T và Phạm Sĩ P1 không có nghề nghiệp ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

[6] *Về bồi thường dân sự:*

Vấn đề bồi thường dân sự giữa bị cáo và các bị hại đã được giải quyết xong. Các bị hại không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] *Về án phí hình sự sơ thẩm:*

Các bị cáo Trần Đức T và Phạm Sĩ P1 bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Đức T và Phạm Sĩ P1 phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 260; Điều 36; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025:

Xử phạt bị cáo Trần Đức T 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ của bị cáo Trần Đức T được tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh nơi cư trú của bị cáo nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Trần Đức T cho Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Ninh Bình trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

3. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 260; Điều 36; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025:

Xử phạt bị cáo Phạm Sĩ P1 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ của bị cáo Phạm Sĩ P1 được tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh nơi cư trú của bị cáo nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Phạm Sĩ P1 cho Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Ninh Bình trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

4. Trường hợp bị cáo Trần Đức T và Phạm Sĩ P1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

5. Miễn khẩu trừ thu nhập cho bị cáo Trần Đức T và bị cáo Phạm Sĩ P1.

6. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Bị cáo Trần Đức T và Phạm Sĩ P1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

7. Quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo Trần Đức T và Phạm Sĩ P1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đỗ Văn H1, anh Đoàn Văn L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự: Các bị cáo Trần Đức T và Phạm Sĩ P1 có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình;
- Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Trường Thi, tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình;
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Ninh Bình;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

**Phạm Thị Mai Anh**